

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08/2023 /HNGĐ-ST**

Ngày: 30 – 03 – 2023.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 253/2020/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2020. Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13/9/2022; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 01/2022, ngày 29/9/2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 01 ngày 13/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Mạc Thị L**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Phạm Hải D**. Sinh năm: 1974. Địa chỉ: Tổ 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: **Ông Tô Văn B**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K,

tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: **Ngân hàng N Việt Nam.**

Địa chỉ: Số 02 đường H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: **Ông Lê Văn D.** Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng N Việt Nam - chi nhánh K, có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 04 Quang T, tổ 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Bà Hoàng Thị K,** sinh năm: 1940. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ **Chị Tô Thị Thúy K,** sinh năm: 2001. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ **Chị Tô Thị O,** sinh năm: 2003. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

+ **Bà Tô Thị Th, ông Hà Văn T.** Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (bà Th có mặt, ông T vắng mặt).

+ **Bà Mai Thúy L, ông Trương Trí T.** Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trương Trí T vắng mặt).

+ **Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn S.** Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt).

+ **Bà Đàm Thị T.** Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và các lời khai trong quá trình thu thập, chứng cứ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Mạc Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Tô Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/9/2000, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông B nhiều lần lấy tiền đi đánh bài, đánh đề phá tan tài sản trong gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, bà L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đã làm đơn khởi kiện với đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Tô Văn B.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông B có 03 con chung là Tô Thị Thúy K, sinh năm 2001; Tô Thị O, sinh năm 2003 và Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007. Bà L có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung là Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Tô Thị Thúy K, sinh năm 2001 và Tô Thị O, sinh năm 2003, đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông Tô Văn B tạo lập được khối tài sản chung bao gồm:

+ 01 thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137493 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/10/2017 cấp cho hộ ông Tô Văn B, diện tích đo đạc trên thực tế là 993,3m². Tài sản trên đất bao gồm: 01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch men có diện tích sử dụng khoảng 80m² được xây vào năm 2015; 01 nhà xây nhỏ diện tích 18 m² xây từ năm 1997; 01 ngôi nhà gỗ diện tích 19 m²; 01 giếng nước tự đào sâu 4m, đường kính 1,2m.

+ 01 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), theo giấy CNQSD đất số CL 137494 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Tô Văn B diện tích đo đạc thực tế là 1.919,9m².

+ Thửa đất số 129, 139 tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), diện tích đo đạc thực tế là 643,6m² đất trồng cây hàng năm nhưng chưa được cấp giấy CNQSD

đất và nằm liền kề chung với thửa đất số 138 không xác định được ranh giới của thửa đất.

Địa chỉ các thửa đất tọa lạc tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông Tô Văn B và bà Mạc Thị L có vay của Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K – tỉnh Đắk Lắk số tiền 70.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5202-LAV-201802732 ký ngày 22/6/2018. Đến ngày 16/9/2022 bà L đã thanh toán xong cho Ngân hàng tổng số tiền là 29.703.203đ, trong đó tiền vay nợ gốc còn lại là 22.100.000đ và tiền lãi là 7.603.203đ.

Nguyên vọng của bà Mạc Thị L về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung và nợ chung mỗi người một nửa tương đương giá trị tài sản của hai vợ chồng, tuy nhiên hiện nay ông Tô Văn B còn nuôi mẹ già là bà Hoàng Thị K nên ưu tiên phần diện tích đất có nhà cho ông B, còn bà L lấy phần diện tích đất trống, cùng với các thửa đất số 129, 138, 139, tờ bản đồ 36. Ngoài ra còn một số vật dụng trong gia đình vì giá trị tài sản không đáng giá nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với 04 thửa ruộng diện tích đất khoảng 5.000m² đất trồng lúa nhưng chưa được cấp giấy CNQSD đất mà bà L khởi kiện. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 5.000m² đất trồng lúa 04 thửa đất nói trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hải D trình bày: ông D thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Mạc Thị L và không có ý kiến trình bày gì thêm.

- Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Tô Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà L chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/9/2000, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, trong quá trình chung sống với nhau thời gian trước kia ông B có đi đánh bài đánh bạc, nhưng sau đó tôi đã viết đơn cam đoan không tái phạm. Tuy nhiên thời gian về sau ông B phát hiện ra bà L ngoại tình với người đàn ông khác nên chán nản, buồn bực và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019

đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay bà L làm đơn ly hôn thì ông B đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của bà L.

- Về con chung: Ông B thống nhất với yêu cầu xin nuôi con của bà L và đồng ý giao con chung là Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007 cho bà L nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông B không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của bà L, vì nguồn gốc các thửa đất trên đều là của bố mẹ ông B là ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K khai hoang từ năm 1986, nhưng chưa được cấp giấy CNQSD đất. Sau khi kết hôn do bố mẹ già yếu nên đã tặng cho ông Tô Văn B để tiện làm các thủ tục vay vốn làm ăn trong gia đình và do bố mẹ chỉ có mình ông B là con trai nên tặng cho các diện tích đất trên cho ông B và ông B đã làm đơn xin cấp giấy CNQSD đất, đến ngày 18/12/2003 UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số R 295068, thửa đất số 140 có diện tích là 3325m², thửa đất số 138, diện tích được cấp 1072 m² cấp cho hộ ông Tô Văn B và còn một phần diện tích thuộc thửa đất số 138, thửa đất số 129,139 thuộc tờ bản đồ số 12 (cũ) đã được kê khai chưa được cấp giấy CNQSD đất nhưng trên bản đồ địa chính các thửa đất đều đứng tên Tô Văn B, tuy nhiên việc tặng cho này chỉ cho tặng bằng miệng với nhau, không có lập thành văn bản. Vì vậy tài sản trên bà Mạc Thị L không có công sức đóng góp gì mà là tài sản riêng của ông B nên ông B không đồng ý chia các tài sản trên theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đối với 04 thửa ruộng trồng lúa nước có diện tích đất khoảng 5.000m² chưa được cấp giấy CNQSD đất có nguồn gốc từ bố mẹ của ông B là ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K khai hoang. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 5.000m² đất trồng lúa nói trên, không yêu cầu. Do đó, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra còn một số vật dụng trong gia đình vì giá trị tài sản không đáng giá trị bao nhiêu ông B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đối với 29.703.203đ tiền vay gốc và lãi suất mà bà Mạc Thị L đã trả cho Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh K vào ngày 16/9/2022. Tại phiên tòa ông B xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng trong thời gian chung sống và ông B

đồng ý trả lại cho bà L số tiền 14.851.601đ, đây là tiền bà L trả tiền nợ Ngân hàng thay cho ông B.

- Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh K là ông Lê Văn D trình bày: Theo đơn khởi yêu cầu độc lập, ghi ngày 02/8/2021 của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 25.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng số 5202-LAV-201802732 ký ngày 22/6/2018 cho đến khi thanh toán xong, tuy nhiên đến ngày 16/9/2022 bà Mạc Thị L đã thanh toán xong cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay gốc cùng với lãi suất phát sinh nên Ngân hàng chúng tôi đã làm đơn rút yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Tại phiên tòa bà Hoàng Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Bà Hoàng Thị K không có ý kiến gì về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung của bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B nên bà K không có làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập trong vụ án. Tuy nhiên bà K có nguyện vọng muốn bà L và ông B để lại cho bà K mảnh ruộng để bà trồng lúa lấy gạo ăn hàng ngày, ngoài ra bà K không có ý kiến trình bày gì thêm.

- Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tô Thị Thúy K và chị Tô Thị O trình bày: Chị O, chị K là con gái của ông Tô Văn B, bà Mạc Thị L. Hiện nay bố mẹ chúng tôi là ông B, bà L kiện ly hôn tại Tòa án thì chúng tôi không có ý kiến gì; về phần tài sản chung và nợ chung là của bố mẹ được nhận tặng cho từ ông bà nội là ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K và đã được cấp giấy CNQSD đất trong thời kỳ hôn nhân từ năm 2003 nên không có công sức đóng góp gì đối với tài sản trên và cũng không tranh chấp gì đối với số tài sản chung nói trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng bà Tô Thị Th trình bày: Bà Th là chị gái của ông Tô Văn B, vừa là người có diện tích đất giáp ranh với các thửa đất của ông Tô Văn B, bà Mạc Thị L nhưng vào khoảng năm 2015-2016 khi ông B, bà L xây nhà thì gia đình bà Thiện có cho ông B, bà L một phần diện tích đất để xây công trình phụ (nhưng không nhớ diện tích đất cụ thể là bao nhiêu), sau khi cho đất hai gia đình đã trồng hàng rào cố định và kéo lưới B40 kiên cố, không bị xô dịch và sử dụng ổn định

đúng hiện trạng theo bản trích đo ngày 30/6/2022 do Tòa án cung cấp, không có tranh chấp gì với ông B, bà L, tuy nhiên nguồn gốc đất trên của ông B, bà L là của bố mẹ tôi là ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K khai hoang mà nay bà L, ông B ly hôn thì bà Th có ý kiến, diện tích đất này không được chia mà phải trả lại cho bà K để ai nuôi bà K thì có quyền sử dụng diện tích đất trên.

- Người làm chứng bà Trần Thị H, bà Mai Thúy L và bà Đàm Thị T cùng trình bày: Bà H, bà L và bà T là người có diện tích đất giáp ranh với các thửa đất của ông Tô Văn B, bà Mạc Thị L, tuy nhiên hiện nay ranh giới giữa các thửa đất đã có hàng rào kiên cố và sử dụng ổn định đúng hiện trạng theo bản trích đo ngày 30/6/2022 do Tòa án cung cấp, không có tranh chấp nên không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án. Vì vậy đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 15/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản và bản trích đo của Công ty cổ phần đo đạc Tư Vấn Vạn A xác định giá trị diện tích đất và tài sản trên đất cụ thể như sau:

+ 01 thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất số CL 137493, cấp ngày 02/10/2017, có 340m² đất ở, diện tích đo đạc thực tế là 993,3m² (26,71m ngang theo mặt đường liên thôn) có giá trị là: 26,71m ngang x 25.000.000đ/1m ngang = 667.750.000đ (sáu trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tài sản trên đất bao gồm: 01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch men có diện tích sử dụng khoảng 86m² xây từ năm 2015, khấu hao giá trị sử dụng, giá trị còn lại là 214.390.000đ; 01 nhà xây nhỏ diện tích 18 m² xây từ năm 1997 không còn giá trị sử dụng; 01 ngôi nhà gỗ diện tích 19 m² hiện nay không còn giá trị sử dụng; 01 giếng nước tự đào sâu 4m, đường kính 1,2m có giá 2.144.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất là 216.534.000đ.

+ 01 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), theo giấy CNQSD đất số CL137494 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Tô Văn B, diện tích đo đạc thực tế 1919,9m².

+ Thửa đất số 129, 139 tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), diện tích đo đạc thực tế 643,6m² đất trồng cây hàng năm nhưng chưa được cấp giấy CNQSD đất.

Giá trị các thửa đất số 129, thửa số 138 và thửa số 139 có cạnh dài theo mặt đường liên thôn là: $23,53m \text{ ngang} \times 15.000.000đ/1m = 352.000.000đ$ (ba trăm năm mươi hai triệu đồng).

Như vậy tổng giá trị tiền đất và tài sản trên đất của ông Tô Văn B và bà Mạc Thị L có giá trị là: 1.236.284.000đ (một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tô Văn B vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông Tô Văn B. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Mạc Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trên và không tranh luận gì thêm.

Bị đơn ông Tô Văn B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, về con chung và nợ chung đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Thị L, về tài sản ông B xác định đây là tài sản riêng của ông B nên không đồng ý chia cho bà L .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng;

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ mà các đương cung cấp, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Thị L .

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B.

+ Về con chung: Giao con chung là Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007 cho bà Mạc Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung bà L không yêu cầu nên không đề cập

giải quyết. Đối với các con chung là Tô Thị Thúy K, sinh năm 2001 và Tô Thị O, sinh năm 2003, đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung đề nghị Tòa án phân chia như sau:

*** Ông Tô Văn B được chia 06 phần gồm các tài sản sau:**

- Một phần thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137493 cấp ngày 02/10/2017 mang tên hộ ông Tô Văn B, tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích đo đạc thực tế là 767,5m² (diện tích chiều ngang theo mặt đường liên thôn có cạnh dài 20,21m ngang), trong đó có 250m² đất ở, đất trồng cây hàng năm 562,5m², có giá trị là 505.250.000đ.

- Tài sản trên thửa đất bao gồm: 01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch men có diện tích sử dụng khoảng 86m² xây từ năm 2015, có giá trị là 214.390.000đ; 01 giếng nước tự đào sâu 4m, đường kính 1,2m có giá trị là 2.144.000đ.

Tổng giá trị diện tích đất và tài sản trên đất của ông Tô Văn B được chia tính bằng tiền là 721.784.000đ.

*** Bà Mạc Thị L được chia 04 phần gồm các tài sản sau:**

+ Một phần thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137493 cấp ngày 02/10/2017 mang tên hộ ông Tô Văn B, diện tích đo đạc thực tế là 225,8m² (diện tích chiều ngang theo mặt đường liên thôn có cạnh dài 6,5m ngang), trong đó có 90m² đất ở, đất trồng cây hàng năm 135,8m², có giá trị là 162.500.000đ.

+ 01 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137494 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Tô Văn B diện tích đo đạc thực tế là 1.919,9m².

Thửa đất số 129 và thửa đất số 139 tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), diện tích đo đạc thực tế là 643,6m² đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Địa chỉ các thửa đất tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk,

Giá trị các thửa đất số 129, 138 và thửa số 139 có cạnh dài theo mặt đường liên thôn là: 23,53m ngang, có giá trị là 352.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của bà Mạc Thị L được chia tính bằng tiền là 514.500.000đ.

Do ông Tô Văn B được chia tổng giá trị tài sản là 721.784.000đ và bà Mạc Thị L được chia tổng giá trị tài sản là 514.500.000đ nên phần tài sản chia tài sản cho bà L nhiều hơn so với tổng giá trị tài sản thực nhận, do đó bà L phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Tô Văn B số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 19.986.400 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bà Mạc Thị L được chia tính bằng tiền là 514.500.000 đồng và ông Tô Văn B được chia tính bằng tiền là 741.770.400 đồng.

Về nợ chung: Bà Mạc Thị L đã thanh toán xong số tiền vay gốc và lãi suất tổng cộng số tiền 29.689.203đ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh K. Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông B trả lại $\frac{1}{2}$ tổng số tiền bà L trả cho Ngân hàng thay cho ông B là 14.851.601đ.

Đối với 04 thửa ruộng trồng lúa diện tích khoảng 5.000 m² chưa được cấp giấy CNQSD đất, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 04 thửa ruộng nêu trên và ông B cũng không yêu cầu giải quyết nên HĐXX cần đình chỉ đối với yêu cầu này và không xem xét giải quyết là phù hợp.

Ngoài ra còn một số vật dụng trong gia đình vì giá trị tài sản không đáng giá các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam - Chi nhánh K và Ngân hàng đã có đơn rút đơn yêu cầu độc lập nên đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này và không xem xét giải quyết là phù hợp.

Còn đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Tô Thị O và Tô Thị Thúy K là con của ông B bà L các đương sự xác định không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông B, bà L nên chị O, chị K không yêu cầu gì. Do đó, HĐXX không đặt ra để xem xét là phù hợp.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Mạc Thị L ghi ngày 03/6/2020, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Tô Văn B cư trú tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện K căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Tô Thị O, chị Tô Thị Thúy K và ông Lê Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/9/2002 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L là do ông B lấy tiền đi đánh bài, ghi số đề nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, không có tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người sống một nơi. Do đó, bà L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Mạc Thị L được ly hôn với ông Tô Văn B. Tại phiên tòa ông Tô Văn B xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay nghi ngờ lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vì vậy ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L .

HĐXX xét thấy, bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B trong thời gian chung sống do bất đồng về quan điểm sống, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nghi ngờ nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn ông Tô Văn B đồng ý ly hôn với bà Mạc Thị L. Do đó, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L, ông B có 03 con chung là Tô Thị Thúy K, sinh năm 2001, Tô Thị O, sinh năm 2003 và Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007. Quá trình giải quyết vụ án bà Mạc Thị L có nguyện vọng xin được nuôi con chung là Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của bà L phù hợp với nguyện vọng của con chung, Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007 cho bà Mạc Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Đối với các con chung là Tô Thị Thúy K, sinh năm 2001, Tô Thị O, sinh năm 2003 đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Ông Tô Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung, bà Mạc Thị L không được cản trở, tuy nhiên ông B không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Mạc Thị L xác định tài sản chung là đất có nguồn gốc từ bố mẹ chồng là ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K tặng cho trong thời kỳ hôn nhân. Còn đối với ông Tô Văn B xác định các thửa đất nêu trên là tài sản riêng của ông Tô Văn B có nguồn gốc từ việc bố mẹ ông B là ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K tặng cho riêng ông B, HĐXX nhận định:

Quá trình giải quyết vụ án bà Mạc Thị L, ông Tô Văn B và bà Hoàng Thị K đều xác định: Nguồn gốc các thửa đất số 217, 129,138 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) của ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K khai hoang từ năm 1986 chưa được cấp giấy CNQSD đất, sau khi ông B kết hôn, ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K tặng cho các thửa đất trên để ông Tô Văn B, bà Mạc Thị L canh tác, sử dụng và đã được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số R 295068, thửa đất số 140 có diện tích là 3325m², thửa đất số 138, diện tích được cấp 1072 m² cấp ngày 18/12/2003 cho hộ ông Tô Văn B. Còn bà Hoàng Thị K, ông Tô Văn A, chị Tô Thị N có tên trong hộ khẩu riêng. Đến năm 2017 ông B, bà L làm thủ tục tách thửa của giấy CNQSD đất số R 295068 gồm thửa đất số 140, có diện tích là 3325m², thửa đất số 138 có diện tích được cấp 1072 m² và ký hợp đồng chuyển nhượng một phần diện tích đất cho 03 gia đình là bà Đàm Thị T, ông Bùi Văn T và ông Hà Văn Đ. Sau đó ngày 02/10/2017 Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk thu hồi giấy CNQSD đất số R 295068 và cấp lại 02 giấy CNQSD đất số CL 137493, thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (cũ), diện tích đất được cấp 777 m², trong đó có 340m² đất ở và giấy CNQSD đất số CL 137494, thửa đất số 318, tờ bản đồ số 12 (cũ), diện tích cấp 1.072m² đều cấp cho hộ ông Tô Văn B. Còn một phần diện tích thuộc thửa đất số 138, thửa đất số 129,139 thuộc tờ bản đồ số 12 (cũ) trên bản đồ địa chính các thửa đất trên đều kê khai đứng tên ông B nhưng chưa được cấp giấy CNQSD đất. Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa ông B xác định khi được nhận tặng cho các thửa đất trên trong thời kỳ hôn nhân là chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập thành văn bản nên không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là tặng cho riêng ông B và bà Hoàng Thị K là mẹ ông B cũng không có ý kiến hay yêu cầu xem xét đối với các thửa đất trên. Như vậy xác định nguồn gốc các thửa đất trên là của ông Tô Văn A, bà Hoàng Thị K tặng cho ông Tô Văn B, bà Mạc Thị L trong thời kỳ hôn nhân, ông B đã đăng ký kê khai và được cấp giấy CNQSD đất vào ngày 18/12/2003 cấp cho hộ ông Tô Văn B. Tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất hộ của ông B gồm có ông B, bà L, cùng 02 con chung là Tô Thị O, Tô Thị Thúy K và ông B, bà L đã xây nhà kiên cố trên đất, không có tranh chấp. Do đó, HĐXX cần xác định nguồn gốc diện tích đất được hình thành tài sản chung là của bố mẹ ông B tặng cho nên ông B có nguồn công sức đóng góp nhiều hơn trong

việc hình thành khối tài sản chung này nên cần chia cho ông B nhiều hơn trong khối tài sản chung, tức là các thửa đất trên được chia thành 10 phần bằng nhau, ông B được nhận 6 phần, bà L nhận 4 phần tương đương với giá trị phần đất và tài sản trên đất là phù hợp.

Do đó, HĐXX qua xem xét ý kiến của các đương sự về nguồn gốc tài sản và công sức đóng góp của các bên, các bên đương sự đều có nguyện vọng chia bằng hiện vật nên tài sản chung của bà L và Bộ được phân chia như sau:

*** Ông Tô Văn B được chia 6/10 giá trị tài sản gồm:**

- Một phần thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137493 cấp ngày 02/10/2017 mang tên hộ ông Tô Văn B, tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích đo đạc thực tế là 767,5m² (diện tích chiều ngang theo mặt đường liên thôn có cạnh dài 20,21m ngang), trong đó có 250m² đất ở, đất trồng cây hàng năm 562,5m², có giá trị là 505.250.000đ.

- Tài sản trên thửa đất bao gồm: 01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch men có diện tích sử dụng khoảng 86m² xây từ năm 2015, có giá trị là 214.390.000đ; 01 giếng nước tự đào sâu 4m, đường kính 1,2m, có giá trị là 2.144.000đ.

Tổng giá trị diện tích đất và tài sản trên đất của ông Tô Văn B được chia tính bằng tiền là 721.784.000đ.

*** Bà Mạc Thị L được chia 4/10 giá trị tài sản gồm:**

+ Một phần thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137493 cấp ngày 02/10/2017 mang tên hộ ông Tô Văn B, diện tích đo đạc thực tế là 225,8m² (diện tích chiều ngang theo mặt đường liên thôn có cạnh dài 6,5m ngang), trong đó có 90m² đất ở, đất trồng cây hàng năm 135,8m², có giá trị là 162.500.000đ.

+ 01 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137494 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Tô Văn B diện tích đo đạc thực tế là 1.919,9m².

Thửa đất số 129 và thửa đất số 139 tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), có diện đo đạc thực tế là 643,6m² đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Địa chỉ các thửa đất tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk,

Giá trị các thửa đất số 129, 138 và thửa số 139 có cạnh dài theo mặt đường liên thôn là: 23,53m ngang, có giá trị là 352.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của bà Mạc Thị L được chia tính bằng tiền là 514.500.000đ.

Do ông Tô Văn B được chia tổng giá trị tài sản là 721.784.000đ và bà Mạc Thị L được chia tổng giá trị tài sản là 514.500.000đ nên phần tài sản mà HĐXX chia tài sản cho bà L nhiều hơn, do đó bà L phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Tô Văn B số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 19.986.400đ (mười chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bà Mạc Thị L được chia tính bằng tiền là 494.513.600đ (bốn trăm chín mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng) và ông Tô Văn B được chia tính bằng tiền là 741.770.400đ (bảy trăm bốn mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

Đối với 04 thửa ruộng trồng lúa diện tích khoảng 5.000 m² chưa được cấp giấy CNQSD đất, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 04 thửa ruộng nêu trên và ông B cũng không yêu cầu giải quyết nên HĐXX cần đình chỉ đối với yêu cầu này và không xem xét giải quyết là phù hợp.

Ngoài ra còn một số vật dụng trong gia đình vì giá trị tài sản không đáng giá các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Đối với 29.703.203đ tiền vay gốc và lãi suất mà bà Mạc Thị L đã trả cho Ngân hàng N Việt Nam chi Nhánh K vào ngày 16/9/2022. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông B xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời gian chung sống và bà L đã trả nợ cho Ngân hàng thay cho ông B. Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông B trả lại số tiền 14.851.601đ và ông B đồng ý trả theo yêu cầu của bà L. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận, cần buộc ông Tô Văn B có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền 14.851.601đ.

[3.5] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Tô Thị O, chị Tô Thị Thúy K là con của ông B, bà L. Quá trình giải quyết các đương sự xác định tài sản trên của ông B bà L nhận tặng cho từ khi các đương sự còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì nên không tranh chấp và không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó, HĐXX không đặt ra để xem xét.

[3.6] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị K cho rằng: Bà K là mẹ của ông B và bà K không tranh chấp gì đối với tài sản của ông B, bà L, tuy nhiên bà K có nguyện vọng đề nghị Tòa án chia cho bà 01 thửa ruộng trồng lúa nước nằm trong diện tích đất đã tặng cho ông B, bà L để bà trồng lúa ăn, HĐXX thấy diện tích đất trồng lúa trên thuộc diện tích khoảng 5.000m² đất ruộng trồng lúa. Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông B cũng không yêu cầu giải quyết và bà Hoàng Thị K không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với diện tích đất lúa trên. Vì vậy, HĐXX, cần tách đối với yêu cầu chia diện tích đất ruộng trồng lúa của bà K ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các bên liên quan làm đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N Việt Nam, HĐXX thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N Việt Nam có đơn rút yêu cầu khởi kiện độc lập đối với số tiền vay gốc và khoản nợ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5202-LAV-201802732 ký ngày 22/6/2018 giữa Ngân hàng với ông B, bà L và không yêu cầu giải quyết nữa, xét thấy việc rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của Ngân hàng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N Việt Nam.

[5] Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí đo đạc: Chấp nhận việc bà Mạc Thị L tự nguyện chịu số tiền chi phí đo đạc số tiền chi phí đo đạc tài sản là 5.000.000đ đã chi phí xong (bút lục số 188) nên không đề cập để giải quyết,

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Bà Mạc Thị L đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với số tiền là 4.000.000

đồng và đã chi phí xong. Căn cứ Điều 157 và 165 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B mỗi bên phải chịu ½ tiền chi phí nêu trên. Do đó ông Tô Văn B có trách nhiệm trả lại cho bà Mạc Thị L số tiền 2.000.000đ tiền chi phí thẩm định giá tài sản và chi phí định giá tài sản.

[6] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Thị L .

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mạc Thị L và ông Tô Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Tô Quốc T, sinh ngày 28/01/2007 cho bà Mạc Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với các con chung là Tô Thị Thúy K, sinh năm 2001 và Tô Thị O, sinh năm 2003, trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Ông Tô Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, tuy nhiên ông B không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi

ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung vợ nợ chung:

3.1/ Về nợ chung: Buộc ông Tô Văn B có trách nhiệm trả lại cho bà Mạc Thị L số tiền 14.851.601đ đây là tiền nợ chung mà bà L đã trả nợ cho Ngân hàng N Việt Nam thay cho ông B, số tiền này sẽ được khấu trừ vào tiền chênh lệch giá trị tài sản bà L thanh toán cho ông B.

3.2/ Về tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung ông Tô Văn B và bà Mạc Thị L được tính bằng tiền là: 1.236.284.000đ, Tài sản được phân chia như sau:

* Ông Tô Văn B được chia các tài sản gồm:

- Một phần thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137493 cấp ngày 02/10/2017 mang tên hộ ông Tô Văn B, tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích đo đạc thực tế là 767,5m² (diện tích chiều ngang theo mặt đường liên thôn có cạnh dài 20,21m ngang), trong đó có 250m² đất ở, đất trồng cây hàng năm 562,5m², có giá trị là 505.250.000đ. Diện tích đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đường liên thôn, hướng Tây giáp đất bà T, hướng Nam giáp phần đất chia cho bà L, hướng Bắc giáp đất bà Th.

- Tài sản trên thửa đất bao gồm: 01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch men có diện tích sử dụng khoảng 86m² xây từ năm 2015, có giá trị là 214.390.000đ; 01 giếng nước tự đào sâu 4m, đường kính 1,2m có giá trị là 2.144.000đ.

Tổng giá trị diện tích đất và tài sản trên đất của ông Tô Văn B được chia tính bằng tiền là 721.784.000đ.

* Bà Mạc Thị L được chia các tài sản sau:

+ Một phần thửa thửa đất số 217, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137493 cấp ngày 02/10/2017 mang tên hộ ông Tô Văn B, diện tích đo đạc thực tế là 225,8m² (diện tích chiều ngang theo mặt đường liên thôn có cạnh dài 6,5m ngang), trong đó có 90m² đất ở, đất trồng cây hàng năm 135,8m², có giá trị là 162.500.000đ. Diện tích đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đường liên thôn,

hướng Tây giáp đất bà T, hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông B, hướng Nam giáp đất bà T.

+ 01 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36) theo giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 137494 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/10/2017 cho hộ ông Tô Văn B diện tích đo đạc thực tế là 1.919,9m². Diện tích đất có tứ cận như sau: Hướng Tây giáp thửa số 129, hướng Nam giáp đất bà H, hướng Đông giáp nương nước, hướng Bắc giáp đất ông T, bà L.

+ Thửa đất số 129 và thửa đất số 139 tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ mới số 36), diện tích đo đạc thực tế là 643,6m² đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Địa chỉ các thửa đất tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có tứ cận như sau: Hướng Tây đường liên thôn, hướng Nam giáp đất bà H, hướng Đông giáp thửa số 138, hướng Bắc giáp đất bà Th.

Giá trị các thửa đất số 129, 138 và thửa số 139 có cạnh dài theo mặt đường liên thôn là: 23,53m ngang, có giá trị là 352.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của bà Mạc Thị L được chia tính bằng tiền là 514.500.000đ (năm trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Mạc Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông Tô Văn B số tiền chênh lệch giá trị tài sản tính thành tiền là 19.986.400 đồng, khấu trừ số tiền 14.851.601đ nợ chung bà L đã trả thay cho ông B. Số tiền còn lại cần buộc bà Mạc Thị L trả cho ông Tô Văn B là 5.134.799đ (năm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/3/2023) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự phải có trách nhiệm liên hệ đến các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Thị L đối với 04 thửa ruộng có diện tích khoảng 5.000m².

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N Việt Nam.

6. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí đo đạc: Chấp nhận việc bà Mạc Thị L tự nguyện chịu số tiền chi phí đo đạc số tiền chi phí đo đạc tài sản là 5.000.000đ đã chi phí xong nên không đề cập để giải quyết.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Buộc bà Mạc Thị L phải chịu 2.000.000đ tiền chi phí thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản, số tiền này được khấu trừ vào 4.000.000đ tạm ứng chi phí tố tụng mà bà L đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong nên không đề cập để giải quyết.

Buộc ông Tô Văn B có trách nhiệm trả lại cho bà Mạc Thị L số tiền 2.000.000đ tiền chi phí thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản.

- Về án phí:

+ Buộc bà Mạc Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0011182, ngày 18/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

+ Buộc bà Mạc Thị L phải chịu 23.780.544đ tiền án phí chia tài sản chung {theo mức: cứ 400.000.000đ phải chịu 20.000.000đ $+(94.513.600đ \times 4\%) = 23.780.544đ$ }, được khấu trừ vào số tiền 6.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0011198, ngày 24/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn lại bà Mạc Thị L còn tiếp tục phải chịu án phí chia tài sản chung là 17.280.544 đồng.

+ Buộc ông Tô Văn B phải chịu 33.670.400đ tiền án phí dân sự có giá ngạch chia tài sản chung, theo mức: Cứ 400.000.000đ phải chịu 20.000.000đ $+(341.770.400đ \times 4\%) = 33.670.400đ$.

+ Ngân hàng N Việt Nam được nhận lại số tiền 694.905đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 60AA/2021/0005481, ngày 03/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Bản án là bản vẽ hoàn công chi tiết các thửa đất của Công ty cổ phần đo đạc tư vấn Vạn An, lập ngày 30/6/2022).

“ *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*”

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai